

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Phụ lục 2

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

(báo cáo theo đề cương của phụ lục 4 kèm theo công văn số 7543/BTC-TCDN ngày 01/7/2019 của Bộ Tài chính)

(kèm theo văn bản 3499 /MOBIFONE – KHCL-TC-KT ngày 19/7/2019)

Năm 2018 là một năm đầy thách thức đối với ngành viễn thông do thị trường đã ở trạng thái bão hòa, nhiều dịch vụ truyền thống suy giảm, nhiều dịch vụ mới bị ảnh hưởng bởi các điều chỉnh chính sách quản lý của Nhà nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh của MobiFone cũng chịu tác động mạnh mẽ bởi sự biến động của hàng loạt chính sách quản lý lớn của Nhà nước như:

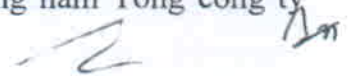
- Tạm dừng triển khai sử dụng thẻ trả trước viễn thông thanh toán cho dịch vụ game/nội dung số.
- Bỏ quy định giá sàn Roaming quốc tế đến Việt Nam;
- Điều chỉnh giảm giá cước kết nối giữa các doanh nghiệp viễn thông và ban hành mức cước kết nối bắt đối xứng giữa mạng cố định/di động;
- Chính sách giảm khuyến mại dịch vụ di động từ 50% xuống 20%;
- Chính sách chuyển mạng giữ số;
- Giá điện, giá nhiên liệu; chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn tăng ...

Bên cạnh đó, cuộc cạnh tranh về giá cước ngày càng khốc liệt, đầu tư hạ tầng 4G khá lớn nhưng việc cạnh tranh cung cấp các gói cước rẻ dung lượng sử dụng lớn và không giới hạn đã làm tăng chi phí thuê truyền dẫn quốc tế/ trong nước của MobiFone nhưng doanh thu không tăng tương ứng, từ đó ảnh hưởng khá lớn tới việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Tuy nhiên, MobiFone đã nỗ lực hết sức vượt qua khó khăn trên để đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh liên tục, ổn định, hệ thống thông tin di động thông suốt, tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2018 của MobiFone như sau:

1. Việc bảo toàn và phát triển vốn

Vốn nhà nước tại MobiFone ở thời điểm năm 2018 là 19.447 tỷ đồng, tăng 8,07% (1.453 tỷ đồng) so với vốn nhà nước năm 2017. Do trong năm Tổng công ty



kinh doanh có lãi và đã thực hiện trích lập bổ sung quỹ Đầu tư phát triển. Tổng công ty vẫn tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

2.1 Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư:

Năm 2018 MobiFone đã hoàn thành 88 dự án (12 dự án nhóm B và 76 dự án nhóm C). Tổng giá trị thực hiện (nghiệm thu) các dự án đầu tư trong năm 2018 đạt giá trị 4.297 tỷ đồng. Tổng vốn đã giải ngân là 4.635 tỷ đồng, bằng 58,7% kế hoạch vốn được giao, trong đó:

- Các dự án nhóm B: thực hiện 2.885 tỷ đồng, giải ngân 3.070 tỷ đồng, bằng 67% kế hoạch.
- Các dự án nhóm C: thực hiện 1.412 tỷ đồng, giải ngân 1.565 tỷ đồng, bằng 47,2% kế hoạch.
- Năm 2018, MobiFone không phát sinh vốn huy động để tài trợ cho các dự án đầu tư.

2.2 Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, đánh giá chi tiết theo danh mục đầu tư tài chính của công ty mẹ vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết; hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp, báo cáo chi tiết theo từng khoản đầu tư ra nước ngoài gồm các nội dung: hình thức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tiến độ triển khai dự án, kết quả hoạt động của dự án, tình hình thu hồi vốn đầu tư và thực hiện nghĩa vụ với NSNN:

Về cơ bản theo kết quả giám sát tài chính của MobiFone đối với các công ty con đều có lãi và được phân loại an toàn về tài chính. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên DN	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Nộp NSNN
1	Công ty CP Công nghệ MobiFone Toàn cầu (MobiFone Global)	987.196,44	28.298,86	22.983,34
2	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (MobiFone Services)	630.097,46	36.392,96	37.110,49
3	Công ty CP Dịch vụ gia tăng MobiFone (MobiFone Plus)	488.564,53	(9.380,91)	3.459,16
	Tổng cộng	2.105.858,43	55.310,91	63.552,99

Công ty CP Công nghệ MobiFone toàn cầu (MobiFone Global): doanh thu giảm 55%, lợi nhuận giảm 45% so với năm 2017 một phần là do chính sách của Bộ TT-TT, các nhà mạng phải dừng cung cấp gói cước Youtube và Facebook. Từ đó, kéo theo lợi nhuận MobiFone Global giảm mạnh so với cùng kỳ. Mặc dù vậy, cổ tức

MobiFone được chia năm 2018 từ MobiFone Global vẫn là 20%, trong đó 15% bằng tiền mặt (tương đương 14.484 triệu đồng) và 5% bằng cổ phiếu thưởng (tương đương 482.806 cổ phiếu).

Đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (MobiFone Services) 22.080 triệu đồng (chiếm 31,26%). Năm 2018, mặc dù doanh thu giảm 33% so với năm 2017 nhưng lợi nhuận đạt được vẫn tăng tăng 8% so với năm 2017 (đạt 28.404 triệu đồng), cổ tức được chia năm 2018 từ MobiFone Services là 3.312 triệu đồng, bằng 15% vốn đầu tư

Công ty CP Dịch vụ gia tăng MobiFone (MobiFone Plus) doanh thu giảm 81%, lỗ 9,3 tỷ đồng chủ yếu do mảng phân phối bán lẻ không đạt như kế hoạch đề ra, đồng thời cạnh tranh trên thị trường phân phối bán lẻ rất gay gắt. Dẫn đến không bán được hàng, tồn kho số lượng lớn các điện thoại, phụ kiện, phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Năm 2019, MobiFone Plus đã có những điều chỉnh về quy mô, cách thức hoạt động đối với mảng phân phối bán lẻ, dự kiến có lãi trong năm 2019.

Như vậy, mặc dù kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con năm 2018 đều giảm so với năm 2017 nhưng xét về hiệu quả đầu tư, năm 2018 MobiFone vẫn nhận được phần cổ tức được chia khá cao.

Kế hoạch tăng hoặc giảm vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác: MobiFone vẫn giữ nguyên vốn đầu tư tại các công ty con và thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư tài chính khác (tại SeABank và TPBank). Trong đó đã hoàn thành thoái vốn TPBank trong năm 2019, còn lại 7.703 cổ phần SeABank do nhà đầu tư trúng giá không thanh toán tiền mua (7.000 cổ phần) và 703 cổ phiếu thưởng. Để thực hiện thoái vốn tại SeABank, MobiFone phải thực hiện thuê thẩm định giá, thuê tư vấn thoái vốn, thuê tư vấn bán đấu giá theo quy định tại điều 12, 13, Nghị định 32/NĐ-CP ngày 08/3/2018. Theo ước tính, chi phí bỏ ra lớn hơn nhiều so với giá trị thu được. Không đem lại hiệu quả kinh tế cho MobiFone.

2.3 Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu, các khoản bảo lãnh vay vốn của Công ty mẹ cho Công con (nếu có):

Tại 31/12/2018, dư nợ vay ngắn hạn của MobiFone là 857.803 triệu đồng, trong đó: dư nợ vay trung hạn đến hạn trả là 857.800 triệu đồng; dư nợ vay thấu chi là 2,88 triệu đồng. Dư nợ vay trung hạn là 651.528 triệu đồng. Trong năm 2018, MobiFone không phát sinh thêm nợ vay trung hạn, chỉ còn số dư nợ vay trung hạn năm trước chuyển sang và trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

- Đến 31/12/2018, tổng số các khoản phải thu (ngắn hạn và dài hạn) là 2.250 tỷ đồng, trong đó phải thu khó đòi là 603 tỷ đồng, dự phòng đã trích lập là 513 tỷ đồng. MobiFone đã trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định tại

Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, phù hợp với quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước, đồng thời cũng đưa ra các biện pháp tích cực để thu hồi và xử lý các khoản công nợ khó đòi.

- Đến 31/12/2018, công nợ phải trả người bán là 4.688 tỷ đồng và không có nợ quá hạn, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,57 lần, hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 2,77 lần, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 1,84 lần, đảm bảo cho MobiFone khả năng thanh toán an toàn.

2.5 Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp:

Tổng công ty Viễn thông MobiFone luôn thực hiện giám sát dòng tiền sát sao, đảm bảo các nhu cầu trong hoạt động đầu tư (giải ngân đầu tư) và hoạt động tài chính (nộp LNST về NSNN, trả nợ vay) luôn được cân đối với dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và huy động vốn để việc sử dụng vốn là tối ưu nhất.

So với năm 2017, lưu chuyển thuần trong kỳ năm 2018 của Tổng công ty Viễn thông MobiFone đạt 1.350 tỷ đồng, tăng 5,7%. Trong đó:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh: 9.065 tỷ đồng;
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư: -4.739 tỷ đồng;
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: -2.976 tỷ đồng.

Như vậy, dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh đủ bù đắp sự thiếu hụt dòng tiền trong hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp (bao gồm cả thanh toán các khoản nợ đến hạn).

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

3.1 Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018			Thực hiện năm 2017	So sánh TH 2018/2017
		Kế hoạch giao	Thực hiện	% TH/KH		
1	Doanh thu Công ty mẹ	40.510	36.926	91,15%	40.109	92,06%
2	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	4.836	4.677	96,71%	4.500	103,94%
3	Tỷ suất LNST/VCSH Công ty mẹ	25,7%	24,87%	96,77%	25,69%	96,80%

3.2 Kết quả hoạt động kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA);

- Doanh thu năm 2018 của Công ty mẹ - MobiFone là 36.926 tỷ đồng, bằng 91,15% kế hoạch (căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-BTTTT ngày 18/9/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giao chỉ tiêu đánh giá xếp loại doanh nghiệp

năm 2018 đối với MobiFone), bằng 92,06% so với cùng kỳ năm 2017 (giảm 3.183 tỷ đồng), trong đó:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 36.078 tỷ đồng bằng 90,29% năm 2017.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính là 859 tỷ đồng, bằng 710,72% năm 2017.
 - + Thu nhập khác là 11 tỷ đồng, bằng 33,69% năm 2017.
 - + Chi phí giá vốn hàng hóa và dịch vụ là 24.709 tỷ đồng, bằng 88,64% năm 2017.
- Các chi phí còn lại là 6.340 tỷ đồng, bằng 95,96% năm 2017. Trong đó:
- + Chi phí tài chính là 145 tỷ đồng bằng 260,03% năm 2017.
 - + Chi phí bán hàng là 4.833 tỷ đồng, bằng 91,46% năm 2017.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp là 1.346 tỷ đồng, bằng 106,29% năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế của MobiFone là 4.677 tỷ đồng bằng 96,71% kế hoạch, bằng 103,94% năm 2017.
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản là 17,53 %.
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 13,95 %.
 - + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu là 31,26 %.
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 24,87%.

3.3 Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Năm 2018, số phải nộp Ngân sách nhà nước năm 2018 của MobiFone là 5.831 tỷ đồng, trong đó phần nộp lợi nhuận là 3.243 tỷ đồng.

3.4 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

Ngày 28/03/2019, MobiFone đã có văn bản số 82/HDTV-KT gửi Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty mẹ MobiFone. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 4.677 tỷ đồng, phương án phân phối lợi nhuận dự kiến: trích quỹ đầu tư phát triển là 1.403 tỷ đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 147 tỷ đồng, nộp lợi nhuận về Chủ sở hữu là 3.127 tỷ đồng. Ủy ban sẽ phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau khi có kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2018 của MobiFone.

4. Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Tổng công ty Viễn thông MobiFone luôn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về đầu tư, các nghĩa vụ thuế, các khoản nộp ngân sách, thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về chế độ lao động, tiền lương và các quy định khác của pháp luật.

Tuy nhiên, năm 2018 có phát sinh việc 01 người quản lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của doanh nghiệp đến mức bị khởi tố điều tra.

5. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu vốn nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp: giữ nguyên, bảo toàn vốn nhà nước tại MobiFone.

Cơ cấu lại vốn của DN tại công ty con, công ty liên kết:

- MobiFone giữ nguyên cơ cấu sở hữu tại các công ty con (Công ty cổ phần Công nghệ MobiFone toàn cầu, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone, Công ty cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone).
- MobiFone thực hiện thoái vốn tại 02 ngân hàng SeABank và TPBank:
 - + Đối với SeABank: MobiFone hoàn thành việc đấu giá cổ phần ngày 07/2/2018, toàn bộ cổ phần đã được các nhà đầu tư đăng ký mua, tuy nhiên còn 7.703 cổ phần (trong đó: 7.000 cổ phần nhà đầu tư trúng giá không thanh toán tiền mua, 703 cổ phần cổ phiếu thưởng).
 - + Đối với TPBank: Ngày 10/5/2019, MobiFone đã hoàn thành thoái vốn 7.110.271 cổ phần bằng hình thức thoái vốn cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, tổng số tiền thu về từ bán cổ phần là 153.339.018.000 đồng.

6. Những yếu tố thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân:

Hiện nay, MobiFone đang nắm giữ 7.703 cổ phần SeABank (7.000 cổ phần nhà đầu tư trúng giá không thanh toán tiền mua, 703 cổ phần cổ phiếu thưởng). Để thực hiện thoái vốn tại SeABank, MobiFone phải thực hiện thuê thẩm định giá, thuê tư vấn thoái vốn, thuê tư vấn bán đấu giá theo quy định tại điều 12, 13, Nghị định 32/NĐ-CP ngày 08/3/2018. Theo ước tính, chi phí bỏ ra (khoảng 310 triệu đồng) lớn hơn nhiều so với giá trị thu được; không đem lại hiệu quả kinh tế cho MobiFone.

7. Kiến nghị, đề xuất giải pháp về hoạt động đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- (1) Theo nội dung Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ có quy định: “*Trước quý II năm 2019, tháo gỡ triệt để những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông trong cấp phép khai thác băng tần 2.6GHz triển khai mạng 4G; đảm bảo cho các doanh nghiệp viễn thông được thi tuyển, đấu giá, cấp phép băng tần theo đúng quy định của pháp luật.*” (Điểm b, Mục 4, Phần III).

Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay Bộ TT&TT chưa có nội dung hướng dẫn cụ thể.

- (2) Đối với giấy phép sử dụng băng tần 2.600 Mhz: Ủy ban tổng hợp thực trạng, làm việc với các Cơ quan liên quan để xác định Giấy phép sử dụng băng tần 2.600Mhz qua đấu giá có phải là Tài sản cố định vô hình hay không? Để các



Doanh nghiệp Viễn thông xác định phương án sử dụng nguồn tham gia đầu giá tương ứng.

- (3) Bộ Tài chính có hướng dẫn MobiFone thực hiện thoái vốn đối với số lượng cổ phần ít, đem lại hiệu quả kinh tế cho MobiFone.
- (4) Hiện nay Tổng Công ty viễn thông MobiFone đang thực hiện việc gửi định kỳ dữ liệu báo cáo tài chính và một số dữ liệu ngoại bảng khác cho các cơ quan quản lý nhà nước thông qua các hệ thống riêng biệt của từng cơ quan, cụ thể là hệ thống <http://soe.mof.gov.vn> của Bộ Tài chính, hệ thống <https://kpi.cmsc.gov.vn> của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, hệ thống của Bộ Kế hoạch Đầu tư (đang triển khai xây dựng),... Thông tin cập nhật lên các hệ thống này là khá tương đồng nhau. Tổng Công ty Viễn thông MobiFone kính đề xuất các cơ quan quản lý xem xét, nghiên cứu giải pháp có thể tích hợp và đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống trên, giúp tối ưu hóa việc sử dụng dữ liệu của các cơ quan quản lý, đồng thời giảm được thời gian và sai sót phát sinh trong công tác nhập liệu của các doanh nghiệp.
